

Chơi chữ

I. Kiến thức cơ bản

• **Chơi chữ** là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.

• **Các lối chơi chữ thường gặp:**

Dùng từ ngữ đồng âm;

Dùng lối nói trại âm (gần âm);

Dùng cách điệp âm;

Dùng lối nói lái;

Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.

• **Chơi chữ được sử dụng** trong cuộc sống thường ngày, trong văn thơ, đặc biệt là trong thơ văn trào phúng, trong câu đối, câu đố...

II. Hướng dẫn tìm hiểu câu hỏi phần bài học

1. Thế nào là chơi chữ

Bài ca dao:

Bà già đi chợ Cầu Đông

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?

Thầy bói xem quẻ nói rằng

Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn.

Câu 1. Nhận xét về nghĩa của từ “lợi” trong bài ca dao

- Từ *lợi* thứ nhất (lợi chăng) nghĩa là lợi ích, lợi lộc.

- Từ *lợi* thứ hai + ba (lợi thì có lợi) có nghĩa là: Phần thịt bao quanh chân răng
=> (răng lợi).

Câu 2. Việc sử dụng từ “lợi” ở câu cuối của bài ca dao dựa vào hiện tượng đồng âm khác nghĩa của từ ngữ.

Câu 3. Việc sử dụng từ “lợi” như trên có tác dụng tạo ra sự hài hước dí dỏm.

2. Các lối chơi chữ

Chỉ ra lỗi chơi chữ được sử dụng trong các câu ca sau:

Câu 1.

*Sánh với Na Va “**ranh tướng**” Pháp*

Tiếng tăm nông nặc ở Đông Dương

(Tú Mỡ)

Lỗi chơi chữ của câu thơ trên là sử dụng lỗi nói trại âm (gần âm): Ranh tướng gần với danh tướng nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau. Danh tướng là vị tướng giải được lưu danh; còn ranh tướng là kẻ ranh ma - ý mỉa mai – chế giễu.

Câu 2.

Mênh mông muôn mầu một màu mưa

Mỗi mắt miên man mãi mịt mờ.

(Tú Mỡ)

Lỗi chơi chữ của câu thơ trên là dùng cách điệp âm, hai câu thơ điệp âm **m** tới 14 lần => Diễn tả sự mịt mờ của không gian đây mưa.

Câu 3.

*Con cá **đôi** bỏ trong **cối đá**,*

*Con **mèo cái** nằm trên **mái kèo***

Trách cha mẹ em nghèo, anh nữ phụ duyên em.

Lỗi chơi chữ của câu ca dao trên là dùng lỗi nói lái:

- Cá **đôi** nói lái thành **cối đá**.
- Mèo **cái** nói lái thành **mái kèo**.

Nhằm diễn tả sự trái khoáy, sự hậm hùi của duyên phận.

Câu 4.

Ngọt thơm sau lớp vỏ gai,

Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng.

Mời cô mời bác ăn cùng

Sầu riêng mà hóa vui chung trăm nhà.

(Phạm Hồ)

Lối chơi chữ của đoạn thơ trên là dùng từ ngữ đồng âm:

Sầu riêng - danh từ – chỉ một loại trái cây ở Nam Bộ.

Sầu riêng – tính từ – chỉ sự phiền muộn riêng tư của con người.

III. Hướng dẫn luyện tập

Câu 1. Đọc bài thơ dưới đây và cho biết tác giả đã dùng những từ ngữ nào để chơi chữ

*Chẳng phải **liu điu** vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn **hổ lửa** đau lòng mẹ,
Nay thét **mai gầm** rát cổ cha.
Ráo **mép** chỉ quen tuông nói dối,
Lăn lưng cam chịu dẫu roi tra
Từ nay **Trâu Lỗ** chăm nghề học
Kéo **hổ mang** danh tiếng thế gia.*

(Lê Quý Đôn)

Ở bài thơ trên tác giả Lê Quý Đôn đã sử dụng hai lối chơi chữ cùng một lúc:

- Lối chơi chữ thứ nhất dùng từ gần nghĩa:

Tất cả các từ ngữ: *Liu điu, rắn, then đèn, hổ lửa, mai gầm, ráo, lăn, Trâu Lỗ, hổ mang* đều có ý nghĩa chỉ các loại rắn.

- Lối chơi chữ thứ hai dùng từ ngữ đồng âm:

Từ ngữ	Nghĩa 1	Từ loại	Nghĩa 2	Từ loại
<i>liu điu</i>	tên một loài rắn nhỏ	danh từ	tính chất nhẹ, chậm yếu VD: gió thổi liu điu	tính từ
<i>rắn</i>	chỉ chung các loại rắn	danh từ	chỉ tính chất cứng, khó tiếp thu VD: cứng cổ, cứng đầu	tính từ
<i>hổ lửa</i>	tên một loại rắn	danh từ	hổ: tự cảm thấy mình xấu kém cỏi VD: hổ lòng, xấu hổ	danh từ
<i>mai gầm</i>	tên một loại rắn	danh từ	mai: chỉ thời gian, gầm: tiếng hét thể hiện sự bức bối	tính từ danh từ

ráo	tên một loại rắn	danh từ	ráo: khô, không bị ngập nước, hoặc lấy hết nước; ráo mép: chỉ người nói nhiều tới khô cả nước	tính từ
lần	tên một loại rắn	danh từ	vật dài in hoặc nổi lên trên bề mặt của một vật khác do tác động nào đó.	danh từ
Trâu Lỗ	tên một loại rắn	danh từ	quê hương của Khổng Tử	danh từ
hổ mang	tên một loại rắn	danh từ	hổ: thẹn tự cảm thấy mình xấu hổ kém cỏi VD: xấu chàng hổ ai mang: lúc nào cũng cùng theo với mình mà đi chuyển VD: mang giỏ	tính từ

**Câu 2. Mỗi câu sau đây có những tiếng nào chỉ các sự vật gần gũi với nhau?
Cách nói này có phải là chơi chữ không?**

- Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn.

+ Những tiếng chỉ sự vật gần gũi: Thịt, mỡ, dò, nem, chả => thức ăn làm bằng chất liệu thịt.

+ Cách nói này là dùng lối nói chơi chữ.

+ Thể hiện sự đánh tráo khái niệm dí dỏm.

- Bà đồ nứa, đi vồng đòn tre, đến khóm trúc, thở dài hi hóp

+ Những từ ngữ chỉ sự vật gần gũi: Nứa, tre, trúc, hóp

+ Thuộc nhóm từ chỉ cây cối thuộc họ tre.

+ Chắc chắn ở câu này dùng lối chơi chữ.

+ Mục đích tạo ra sự dí dỏm, hài hước.

Câu 3. Sưu tầm một số cách chơi chữ trong sách báo (báo Hoa học trò, Thiếu niên Tiền phong, Văn nghệ...).

a)

Chàng Cóc ơi! Chàng Cóc ơi!

Thiếp bén duyên chàng có thể thôi

Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé

Ngàn vàng khôn chuộc dấu bội tôi.

(Hồ Xuân Hương – Khóc Tổng Cóc)

Cách chơi chữ trong bài thơ này rất giống với cách chơi chữ trong bài thơ của Lê Quý Đôn: Sử dụng từ đồng âm và từ gần nghĩa: Cóc, bén, (nhái bén), nòng nọc, chuộc (châu chuộc), chàng (chẫu chàng) đều là họ hàng của cóc, ếch, nhái.

b)

Có tài mà cậy chi tài

Chữ tài liền với chữ tai một lần.

(Nguyễn Du)

Cách chơi chữ dùng từ gần âm: tài - tại.

c)

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

(Bà Huyện Thanh Quan)

Cách chơi chữ dùng từ đồng âm.

d)

Con cò lừa nằm giữa cửa lò.

(Ca dao)

Cách chơi chữ dùng lối nói lái: cò lừa → cửa lò.

Câu 4. Năm 1946 bà Hằng Phương biểu Bác Hồ một gói cam, Bác Hồ đã làm một bài thơ tỏ lòng cảm ơn như sau:

Cảm ơn bà biếu gói cam

Nhận thì không đúng, từ làm sao đây?

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?

Trong bài thơ Bác Hồ đã sử dụng lối chơi chữ như thế nào?

- Lối chơi chữ: Sử dụng từ đồng âm – Đồng âm giữa từ thuần Việt và từ Hán Việt.

- Phân tích:



Từ thuần Việt

Từ Hán Việt

• *cam* (trái cam)

cam (ngọt)

• *khổ* (khô đau)

khổ (đắng)

tận (hết)

lai (đến)

Xuất phát từ thành ngữ: khổ tận cam lai.

Nghĩa là:

hết khổ đến sướng.